

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 07 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Mãi, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 07 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Phạm Thanh Đ**, sinh năm 1988 (*có đơn xin vắng mặt*)

* Bị đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1983 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: **ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh **Phạm Thanh Đ** trình bày và yêu cầu như sau:

Anh **Đ** và chị **T** chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Đ** B vào năm 2011, vợ chồng làm ăn sinh sống tại **ấp A A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang**, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì chị **T** bỏ nhà đi, hiện nay chị **T** đã có chồng khác và đã có con chung với người chồng sau. Lúc chung sống, vợ chồng không cãi nhau. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2016 đến nay.

Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Phạm Thanh T1, sinh ngày 07/05/2008; Phạm Tú T2, sinh năm 03/10/2009, hiện 02 chung đang sống chung với anh Đ.

Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Nay yêu cầu được ly hôn với chị T, yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Phạm Thanh T1, sinh ngày 07/05/2008; Phạm Tú T2, sinh năm 03/10/2009; không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, anh T3 xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Trong quá trình giải vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị T vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Kiểm sát viên phát biểu: Thâm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho anh Đ được ly hôn với chị T; giao 02 con chung tên Lê Phạm Thanh T1, sinh ngày 07/05/2008; Phạm Tú T2, sinh năm 03/10/2009 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xét; về tài sản chung không tranh chấp nên không xem xét; về nợ không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn chị Phạm Thị T thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự nên xác định là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định của Điều 207 của BLTTDS. Tòa án đến nơi cư trú của chị T để tiến hành lấy lời khai nhưng chị T không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai chị T được. Ngày 09 tháng 6 năm 2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hoãn phiên tòa lần thứ nhất do chị T vắng mặt không lý do, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho chị T, nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thanh Đ và chị Phạm Thị T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ B vào năm 2011 nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, chị T bỏ nhà đi và từ năm 2016 anh chị ly thân nhau đến nay.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 26/05/2023 thì chính quyền địa phương không xác định được mâu thuẫn của anh Đ và chị T.

Xét thấy giữa anh Đ và chị T đã ly thân nhau trong một thời gian dài, hai người không có biện pháp hàn gắn. Như vậy, hôn nhân giữa anh Đ và chị T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Theo yêu cầu của anh Đ và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận. Cho anh Đ được ly hôn với chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Phạm Thanh T1, sinh ngày 07/05/2008; Phạm Tú T2, sinh năm 03/10/2009, hiện 02 chung đang sống chung với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Xét thấy hiện hai cháu T1 và cháu T2 hiện đang sống chung với anh Đ, anh Đ có yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu của anh Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2 tại Biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 30/03/2023 của Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy Anh Đ có đủ điều kiện để nuôi 02 con chung và theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận, thống nhất giao 02 con chung tên Lê Phạm Thanh T1, sinh ngày 07/05/2008; Phạm Tú T2, sinh năm 03/10/2009 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Thanh Đ không yêu cầu chị Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Thanh Đ xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Phạm Thanh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Thanh Đ.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh **Phạm Thanh Đ** được ly hôn với chị **Phạm Thị T**.
- *Về quan hệ con chung*: Giao 02 con chung tên **Lê Phạm Thanh T1**, sinh ngày 07/05/2008; **Phạm Tú T2**, sinh năm 03/10/2009 cho anh **Đ** tiếp tục nuôi dưỡng.
- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh **Phạm Thanh Đ** không yêu cầu chị **Phạm Thị T** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.
- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh **Phạm Thanh Đ** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- *Về án phí*: Anh **Phạm Thanh Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0001135 ngày 03/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Anh **Đ** đã nộp xong.
- *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm công khai, anh **Phạm Thanh Đ** và chị **Phạm Thị T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Đông Hưng B;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

Trần Văn Tới

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

